TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Mai Hương;

2. Ông Vi Văn Thanh.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Slỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị La Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại Đội 3K2 Trạm giam S; địa chỉ: Xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị La Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị La Thị P và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Chị La Thị P và anh Hoàng Văn T được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục vào năm

2015. Ngày 08/01/2015, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng anh chị chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn. Đến năm 2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Hoàng Văn T nghiện chất ma túy, không tu chí làm ăn mà phá tán tài sản của gia đình. Chị La Thị P và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Hoàng Văn T không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau khiến cho tình cảm ngày càng lạnh nhạt dần. Năm 2019, anh Hoàng Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 07 (bẩy) năm 06 (tháng) tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 3K2, trại giam S, địa chỉ: Xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Thời gian anh Hoàng Văn T chấp hành án từ năm 2019 tới bây giờ, anh chị không thường xuyên liên lạc, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị La Thị P xác định, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị La Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình do chị La Thị P thông báo. Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hoàng Văn T thông qua Trại giam S, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội nhưng bị đơn anh Hoàng Văn T không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị La Thị P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị P và anh Hoàng Văn T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/01/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không

chung sống với nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Tại các biên bản tống đạt văn bản tố tụng của Trại giam S cho anh Hoàng Văn T thể hiện anh Hoàng Văn T đã nhận văn bản và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị La Thị P, có thể thấy anh Hoàng Văn T không có hành động gì mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị La Thị P và anh Hoàng Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị La Thị P xin ly hôn với anh Hoàng Văn T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị La Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn chị La Thị P trình bày chị La Thị P và anh Hoàng Văn T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị P và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/01/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị La Thị P và anh Hoàng Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017 do bất đồng quan điểm sống khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng không sống chung, không còn tình cảm yêu thương, quan tâm nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị La Thị P và anh Hoàng Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị La Thị P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị La Thị P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị La Thị P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị La Thị P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị La Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2015, đăng ký ngày 08/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị La Thị P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị La Thị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005278 ngày 01/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang